

86th Parents-Love-Chess Rated Series - Rapid

Posledná aktualizácia 03.10.2026 13:55:26

Štartová listina

č.	T	Meno	FideID	FED	Elo	pohlavie	Typ	Gr	Klub
1	CM	Lê, Phan Hoàng Quân	12432881	VIE	2197		U11	x	Super Kids
2	CM	Trần, Võ Quốc Bảo	12425184	VIE	2094				Ex's Hates Me
3		Nguyễn, Huỳnh Tuấn Hải	12402923	VIE	2050			x	Đồng Tháp
4	ACM	Bùi, Quang Huy	12431265	VIE	1979		U13		Iron Titans
5		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1821		U11	x	Bình Dương
6		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1801	w		x	Masters of Time
7		Trần, Thành Vinh	12434124	VIE	1787		U13		Saigon Knights
8	AFM	Phan, Hoàng Bách	12450626	VIE	1785		U13		Iron Titans
9	ACM	Nguyễn, Trung Quân	12445479	VIE	1771		U13	x	Flying Bishops
10		Nguyễn, Đức Khải	12436224	VIE	1750		U13	x	Bình Dương
11		Nguyễn, Quang Huy	12478962	VIE	1717		U11		Future Masters
12		Lê, Nguyễn Minh Nghĩa	12476447	VIE	1714		U11		Saigon Knights
13		Lê, Nguyễn Nhật Quang	12451592	VIE	1699				Ex's Hates Me
14		Dương, Ngọc Ngà	12429252	VIE	1693	w	U13		Super Kids
15		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1683		U13		An Giang
16		Lê, Huy Bằng	12460044	VIE	1659		U11		Masters of Time
17		Đào, Khánh Lâm	12445975	VIE	1639		U13	x	Future Masters
18	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1620		S35	x	Masters of Time
19	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1541		U07	c	Future Masters
20		Trần, Thanh Bình	12457841	VIE	1518		U11		Saigon Knights
21		Lê, Hà My	12433071	VIE	1502	w	U16		Ex's Hates Me
22		Lý, Minh Anh	561007978	VIE	1462	w	U09	x	Flying Bishops
23		Nguyễn, Đăng Gia Nhi	561022420	VIE	1453	w	U07		Cờ vua Hòa Hưng
24	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	1450		U09		Cờ vua Sài Gòn
25		Nguyễn, Minh Khôi	561005576	VIE	1430		U07		Cờ vua Hòa Hưng
26		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1408	w	U11		An Giang
27		Lê, Hoàng Gia Khánh	561022810	VIE	0		U07	x	Super Kids
28		Trình, Minh Anh	12488747	VIE	0	w	U07		Cờ vua Hòa Hưng
29		Vũ, Hoàng Đức	561000868	VIE	0		U07		Cờ vua Hòa Hưng

Hľadaj všetky podrobnosti turnaja pod <https://chess-results.com/tnr1491793.aspx?lan=4>

Chess-Tournament-Results-Servers: Chess-Results